

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội công bố phương án tuyển sinh năm 2025, mở 8 ngành học mới

12:10 26/01/2025

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội vừa công bố phương án tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 với nhiều thay đổi đáng chú ý. Năm nay, nhà trường áp dụng 4 phương thức tuyển sinh và mở thêm 8 ngành học mới.



Theo đó, năm 2025, nhà trường dự kiến tuyển sinh 4.700 chỉ tiêu vào 47 ngành/chuyên ngành, trong đó có 8 ngành học mới.

Các ngành mới mở năm nay gồm: Thiết kế công nghiệp; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang; Công nghệ thông tin (chuyên ngành An toàn thông tin); Khoa học dữ liệu; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản lý tài sản; An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

Nhà trường áp dụng **4 phương thức tuyển sinh**, bao gồm:

Phương thức 1: Xét tuyển sử dụng kết quả của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025. Xét tuyển ở tất cả các ngành, chuyên ngành. Các tổ hợp có

môn Vẽ Mỹ thuật sử dụng kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (Trường), hoặc của một số cơ sở giáo dục đại học khác tổ chức với điểm quy đổi về thang điểm môn Vẽ Mỹ thuật của Trường.

Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế Tiếng Anh (Tiếng Pháp) tương đương IELTS 5.5 trở lên (các chứng chỉ còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển) có thể sử dụng để thay thế môn Tiếng Anh (Tiếng Pháp) trong tổ hợp xét tuyển. Nhà trường không xét tuyển với các chứng chỉ có hình thức thi "Home Edition".

Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp trung học phổ thông (học bạ).

Xét tuyển ở các ngành, chuyên ngành trừ các ngành/chuyên ngành có xét tuyển môn Vẽ Mỹ thuật.

Xét tuyển dựa vào tổng điểm trung bình 3 năm cấp trung học phổ thông của các môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng (áp dụng chung cho cả thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 và thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông trước năm 2025).

Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế Tiếng Anh (Tiếng Pháp) tương đương IELTS 5.5 trở lên (các chứng chỉ còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển) cũng có thể sử dụng để thay thế môn Tiếng Anh (Tiếng Pháp) trong tổ hợp xét tuyển; và không xét tuyển với các chứng chỉ có hình thức thi "Home Edition".

Phương thức 3: Xét kết quả các kỳ thi do các cơ sở giáo dục đại học khác tổ chức

Phương thức 4, nhà trường tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Đề án tuyển sinh của trường.

Các ngành, chuyên ngành và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể như sau:

STT	Nhóm ngành Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Mã xét tuyển	Cấp bằng	Chỉ tiêu (dự kiến)
Kiến trúc và quy hoạch				
1	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc sư	300
2	Kiến trúc/Kiến trúc công nghệ	7580101_02	Kiến trúc sư	50
3	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Kiến trúc sư	50
4	Kiến trúc nội thất	7580103	Kiến trúc sư	100
5	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Kiến trúc sư	50
Mỹ thuật				
6	Mỹ thuật đô thị	7210110	Cử nhân	50
Xây dựng				
7	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ sư	300
8	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình đào tạo Liên kết quốc tế với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ)	7580201_QT	Cử nhân	20
9	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình đào tạo Kỹ sư chất lượng cao - PFIEV)	7580201_CLC	Kỹ sư	110
10	Kỹ thuật xây dựng/ Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201_01	Kỹ sư	500
11	Kỹ thuật xây dựng/ Hệ thống kỹ thuật trong công trình	7580201_02	Kỹ sư	100
12	Kỹ thuật xây dựng/ Tin học xây dựng	7580201_03	Kỹ sư	150
13	Kỹ thuật xây dựng/ Kỹ thuật công trình thủy	7580201_04	Kỹ sư	50
14	Kỹ thuật xây dựng/ Kỹ thuật công trình biển	7580201_05	Kỹ sư	50
15	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông/ Xây dựng Cầu đường	7580205_01	Kỹ sư	100
16	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông/ Đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị	7580205_02	Kỹ sư	50
17	Kỹ thuật Cấp thoát nước/ Kỹ thuật nước - Môi trường nước	7580213_01	Kỹ sư	50
Vật liệu và môi trường				
18	Kỹ thuật vật liệu	7520309	Kỹ sư	50
19	Kỹ thuật Môi trường	7520320	Kỹ sư	50
Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng				
20	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	7510103	Kỹ sư	50

21	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	7510105	Kỹ sư	50
	Công nghệ thông tin			
22	Công nghệ thông tin	7480201	Kỹ sư	300
23	Công nghệ thông tin/Công nghệ đa phương tiện	7480201_01	Cử nhân	50
	Máy tính			
24	Khoa học Máy tính	7480101	Kỹ sư	150
25	Khoa học Máy tính (Chương trình đào tạo Liên kết quốc tế với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ)	7480101-QT	Cử nhân	20
	Kỹ thuật cơ khí			
26	Kỹ thuật cơ khí	7520103	Kỹ sư	100
27	Kỹ thuật cơ khí/ Máy xây dựng	7520103_01	Kỹ sư	50
28	Kỹ thuật cơ khí/ Kỹ thuật cơ điện	7520103_03	Kỹ sư	100
29	Kỹ thuật cơ khí/ Kỹ thuật ô tô	7520103_04	Kỹ sư	100
	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
30	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ sư	50
	Quản lý xây dựng			
31	Kinh tế xây dựng	7580301	Kỹ sư	450
32	Quản lý xây dựng/ Kinh tế và quản lý đô thị	7580302_01	Kỹ sư	100
33	Quản lý xây dựng/ Kinh tế và quản lý bất động sản	7580302_02	Kỹ sư	100
34	Quản lý xây dựng/ Quản lý hạ tầng, đất đai đô thị	7580302_03	Cử nhân	100
35	Quản lý xây dựng/ Kiểm toán đầu tư xây dựng	7580302_04	Cử nhân	50
	Quản trị - Quản lý			
36	Quản lý dự án	7340409	Cử nhân	100
	Quản lý công nghiệp			
37	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Cử nhân	150
38	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/ Logistics đô thị	7510605_01	Cử nhân	50
39	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/ Logistics công nghiệp	7510605_02	Cử nhân	50
	Các ngành/chuyên ngành dự kiến mở mới năm 2025			
	Chương trình Nghệ thuật và thiết kế (Mỹ thuật ứng dụng)			
40	Thiết kế công nghiệp	7210402	Cử nhân	150
41	Thiết kế đồ họa	7210403	Cử nhân	
42	Thiết kế thời trang	7210404	Cử nhân	

STT	Nhóm ngành Ngành/ Chuyên ngành tuyển sinh	Mã xét tuyển	Cấp bằng	Chỉ tiêu (dự kiến)
	Công nghệ thông tin			
43	Công nghệ thông tin/ An toàn thông tin	7480201_02	Kỹ sư	50
	Toán học			
44	Khoa học dữ liệu	7460108	Kỹ sư	50
	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
45	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ sư	50
	Quản trị - Quản lý			
46	Quản lý tài sản	7340410	Cử nhân	50
	Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp			
47	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	7850203	Cử nhân	50
Tổng				4.700

PV (t/h)